

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao  
tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 -2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1276/TTr-SNN ngày 05 tháng 7 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 – 2020 (Bộ tiêu chí kèm theo).

**Điều 2.** Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao được áp dụng cho các xã đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; làm cơ sở để UBND các xã tiếp tục giữ vững, duy trì và nâng cao các tiêu chí nông thôn mới đã đạt ở mức cao hơn.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thực hiện:

- Tham mưu Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh ban hành kế hoạch xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 và kế hoạch hàng năm của tỉnh.

- Tổng hợp, đánh giá và công bố mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của các xã trên địa bàn tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.



2. Các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn UBND các huyện, thị xã tổ chức thực hiện các Tiêu chí nông thôn mới nâng cao thuộc lĩnh vực ngành quản lý; định kỳ hàng năm, tham gia đánh giá mức độ đạt Tiêu chí nông thôn mới nâng cao của các xã.

3. UBND các huyện, thị xã:

- Chỉ đạo UBND các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới rà soát, đánh giá các tiêu chí đạt được, tiếp tục thực hiện các tiêu chí còn hạn chế để đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 ban hành tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với các xã đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2017-2020, khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo phát triển bền vững.

- Định kỳ hàng năm, tổ chức đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của từng xã trên địa bàn, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh, các Sở, ngành liên quan trước ngày 20 tháng 11 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- Tổ chức công bố xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao sau khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN và PTNT, VP.Chính phủ;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới TW;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Nhiều Điều 4;
- LĐVP (Lg, Th), Thi, Thái, TH;
- Lưu: VT



Mai Hùng Dũng

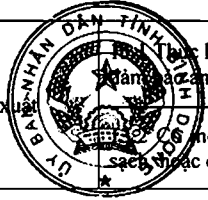
# BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG NGHIỆP MỚI NÂNG CAO TỈNH BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2018-2020


(Kèm theo Quyết định số 16/ QĐ-UBND ngày 16/ 7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



ST T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
<b>I QUY HOẠCH</b>			
1	Quy hoạch	1.1 Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung phù hợp thực tiễn Đề án	Đạt
		1.2 Thực hiện rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch chi tiết cải tạo xây dựng hoặc xây dựng mới Trung tâm xã	Đạt
<b>II HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>			
2	Giao thông	2.1 Tỷ lệ km đường trục áp và đường liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	≥ 30% (phần còn lại cứng hóa theo quy định)
		2.2 Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được cứng hóa, sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	50%
		2.3 Tỷ lệ km đường xã, đường liên xã, đường trục ấp (đối với các đoạn đi qua khu dân cư tập trung) bảo đảm thoát nước mặt đường, có hệ thống chiếu sáng	≥ 50%
		2.4 Các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông	100%
3	Thủy lợi	3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (đối với cây trồng chủ lực)	100%
		3.2 Tổ chức thực hiện tốt các giải pháp phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, thủy sản), tiểu thủ công nghiệp tập trung theo quy hoạch	100%

5	Trường học	Trường học công lập các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được công nhận trường quốc gia	≥ 50%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Trung tâm văn hóa, học tập cộng đồng xã, Nhà văn hóa ấp (Văn phòng ấp) được duy tu, bảo trì, thường xuyên và hoạt động có hiệu quả	100%
		Trung tâm văn hóa xã có bố trí một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Chợ đạt chuẩn theo qui định của tỉnh hoặc các cửa hàng cửa hiệu hoạt động thương mại trên địa bàn xã (đối với những xã có chợ)	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	Đảm bảo cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Không có nhà tạm nhà dột nát, tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng	≥ 95%
<b>III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	Năm 2018: đạt 55 triệu đồng
			Năm 2019: đạt 60 triệu đồng
			Năm 2020: đạt 65 triệu đồng
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2018 -2020 theo chuẩn của tỉnh	≤1%
12	Lao động có việc làm	12.1 Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động (lao động thường trú tại địa phương)	≥ 95%
		12.2 Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên	≥ 65%

13	Tổ chức sản xuất	 Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã Sản phẩm an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển du lịch và dịch vụ Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn hoặc có mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt  Mỗi năm tăng ít nhất 01 mô hình
<b>IV VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1 Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo 5 tuổi 14.2 Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở 14.3 Không có học sinh vi phạm pháp luật 14.4 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp nghề)	100%  Đạt  Đạt  $\geq 95\%$
15	Y tế	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 15.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) 15.3 Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch, giảm 10%/năm tình trạng ngộ độc thực phẩm đồng người 15.4 Tỷ lệ người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu	$\geq 90\%$  $\leq 8\%$  Đạt  $\geq 90\%$
16	Văn hóa	16.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định 16.2. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL 16.3. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội 16.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã vi phạm pháp luật	Đạt  $\geq 80\%$  100%  Đạt

		Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt chuẩn Quốc gia	≥ 75%
		Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 95 %
		Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, có hệ thống nước thải đảm bảo hợp vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường.	≥ 90%
		17.4 Tỷ lệ khu ấp hoặc khu dân cư có cảnh quan môi trường “xanh – sạch – đẹp”. Không có tình trạng vứt rác nơi công cộng và những nơi trái quy định	≥ 90%
		17.5 Tỷ lệ rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định	≥ 80%
<b>V</b>	<b>HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>		
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1 Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của tỉnh	Đạt
		18.2 Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc	70%
		18.3 Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã	≥ 90%
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công nhân nhập ngũ hàng năm đạt 100% (tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân nòng cốt đạt ≥ 20%)	Đạt
		19.2. An ninh trật tự xã hội được giữ vững và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có mô hình phòng, chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự	Đạt